

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Số: 345/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 13 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ và Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 01/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 01/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 345/TTr-TNMT ngày 10 tháng 6 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ và Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 01/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Giám đốc Sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Thanh Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ và Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 01/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-UBND

ngày 13 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu của tỉnh về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nhằm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; nâng cao chất lượng môi trường sống và bảo đảm cân bằng sinh thái, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2. Thực hiện các mục tiêu cụ thể đến năm 2020 được đề ra trong Nghị quyết số 08/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 50-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm cơ sở để kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

3. Tiếp tục thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt; xây dựng, triển khai thực hiện một số kế hoạch, chương trình, dự án mới.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh giai đoạn 2010-2015 tầm nhìn đến năm 2020 được phê duyệt. Trong đó tập trung các nội dung chính sau:

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Rà soát, bổ sung các vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

- Xây dựng bản đồ nguy cơ ngập lụt, nâng cao năng lực kiểm soát lũ và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; quy hoạch đê điều tỉnh đến năm 2020.

- Hàng năm đề xuất Chính phủ hỗ trợ vốn từ Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC) cho các dự án đầu tư ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

2. Về quản lý tài nguyên thiên nhiên

a) Đối với tài nguyên đất

- Triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013 đã được Quốc hội thông qua. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; rà soát quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Thực hiện quản lý, bảo vệ diện tích đất trồng lúa; đẩy mạnh dồn điền, đổi thửa nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo quy hoạch nông thôn mới đã được duyệt.

- Rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất các dự án đầu tư, xử lý nghiêm việc sử dụng đất không hiệu quả; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước về đất đai của UBND cấp huyện, cấp xã.

b) Đối với tài nguyên khoáng sản

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chương trình thực hiện Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 14/5/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị.

- Rà soát các khu vực khai thác khoáng sản đang hoạt động, kiểm tra hoạt động theo thiết kế; phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt tập trung vào hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông và đất san lấp, đất sản xuất gạch ngói.

c) Đối với tài nguyên nước

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên nước năm 2012; điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý tài nguyên nước của tỉnh phù hợp với quy định mới; thực hiện tốt Quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2012-2020, định hướng đến năm 2025.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra các hoạt động khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước của các tổ chức, cá nhân.

- Thực hiện trám lấp các giếng không khai thác, sử dụng phòng tránh nhiễm bẩn nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh.

d) Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.

- Tổ chức thực hiện tốt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Phát triển sản xuất các loại nguyên, vật liệu mới để thay thế các loại tài nguyên truyền thống.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới. Tăng cường sử dụng vật liệu xây dựng không nung dần thay thế vật liệu từ đất sét nung trong sản xuất vật liệu xây dựng.

3. Về bảo vệ môi trường

Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 02/7/2013 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trong đó tập trung các nội dung chính sau:

a) Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường

- Nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt và tỷ lệ xác nhận hoàn thành trong đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng thẩm định các dự án đầu tư nhằm giảm thiểu các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường, lãng phí tài nguyên.

- Đôn đốc, yêu cầu các chủ đầu tư các khu, cụm công nghiệp đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án quản lý, thu gom và xử lý rác thải nông thôn; nghiên cứu ứng dụng mô hình xử lý rác thải phù hợp vùng nông thôn.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

b) Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn tỉnh đến năm 2020.

- Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo các Kế hoạch số 2688/KH-UBND ngày 14/11/2011 và số 2976/KH-UBND ngày 07/11/2013 của UBND tỉnh.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013.

- Đẩy mạnh chương trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn bằng nguồn vốn ngân sách và xã hội hóa; đầu tư xây dựng nhà máy nước số 2 thành phố

Bắc Giang; đầu tư mở rộng nhà máy xử lý và hệ thống thu gom nước thải để xử lý tối đa lượng nước thải của thành phố Bắc Giang.

- Cải thiện, nâng cao chất lượng nước sông Thương, sông Lục Nam; tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Đẩy mạnh bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, rừng trồng; ngăn chặn hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng; gìn giữ và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử và Khe Rỗ; tiếp tục phát triển các mô hình nông lâm kết hợp trồng cây ăn quả trên các diện tích đất đồi, núi thấp của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học và quản lý an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 28/12/2011.

(Danh mục các nhiệm vụ của Chương trình tại phụ lục kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Giúp UBND tỉnh thống nhất việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động, tổng hợp nhu cầu về nguồn lực, kinh phí thực hiện; tham mưu UBND tỉnh bố trí đủ nguồn nhân lực và xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức các cấp làm công tác ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổng hợp kế hoạch đầu tư kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ưu tiên và đề xuất trình UBND tỉnh quyết định.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan căn cứ danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên và nội dung của Chương trình, thẩm định, cân đối, bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố hàng năm xây dựng, trình UBND tỉnh chương trình, đề tài khoa học công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

5. Các sở, ban, ngành: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình hành động này.

6. UBND các huyện, thành phố: Tổ chức xây dựng cụ thể hóa các nội dung chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Chương trình này; phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cụ thể.

7. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện Chương trình này.

8. Chế độ thông tin, báo cáo: Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 12.

9. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn hoặc cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn

DANH MỤC KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
Thực hiện Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ và Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 01/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh)

I. Kế hoạch, chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt, đang thực hiện

| TT | Tên kế hoạch, chương trình, đề án, dự án | Kết quả | Cơ quan Chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời điểm phê duyệt | Ký hiệu văn bản phê duyệt |
|----|--|------------|-----------------------------|--|--------------------------|---------------------------|
| 1 | Chiến lược Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 | Chiến lược | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 29/12/2011 | 495/QĐ-UBND |
| 2 | Kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học và quản lý an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh | Kế hoạch | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 28/12/2011 | 1905/QĐ-UBND |
| 3 | Đề án bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang | Đề án | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 28/12/2011 | 1904/QĐ-UBND |
| 4 | Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2015 tầm nhìn đến năm 2020 | Kế hoạch | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 13/7/2011 | 253/QĐ-UBND |
| 5 | Các Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 | Kế hoạch | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 14/11/2011 07/11/2013 | 2688/KH-UBND 2976/KH- |

| | | | | | | | | | |
|----|---|-----------|--|--|--|--|------------|----------------------|------|
| | | | | | | | | | UBND |
| 6 | Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 | Kế hoạch | Sở Tài nguyên và Môi trường | | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 14/11/2011 | 2687/K H- UBND | |
| 7 | Quy hoạch vùng nguyên liệu đất làm nguyên liệu san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 | Quy hoạch | Sở Tài nguyên và Môi trường | | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 26/12/2012 | 2104/Q Đ- UBND | |
| 8 | Quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2025 | Quy hoạch | Sở Tài nguyên và Môi trường | | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 27/12/2012 | 2112/Q Đ- UBND | |
| 9 | Dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng có nghề giết mổ trâu bò, gia súc Phúc Lâm, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên | Dự án | Sở Tài nguyên và Môi trường | | Sở NN&PTNT, Sở Công thương | Sở NN&PTNT, Sở Công thương | 08/5/2012 | 571/Q Đ- UBND | |
| 10 | Kế hoạch quản lý chất thải y tế tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 | Kế hoạch | Sở Y tế | | Sở Y tế | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 11/10/2013 | 1562/K H- UBND | |
| 11 | Quy hoạch phát triển làng nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn 2030 | Quy hoạch | Sở Công thương | | Sở Công thương | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 11/10/2013 | 1565/Q Đ- UBND | |
| 12 | Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 | Quy hoạch | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 16/8/2013 | 1281/Q Đ- UBND | |
| 13 | Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững khu rừng đặc dụng Tây Yên Tử giai đoạn 2013-2020 | Quy hoạch | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 10/5/2013 | 676/Q Đ- UBND | |
| 14 | Quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 | Quy hoạch | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 25/4/2013 | 574/Q Đ- UBND | |

| | | | | | | |
|----|---|-----------|--------------------------------|--|------------|-------------|
| | | | triển nông thôn | huyện, thành phố | | UBND |
| 15 | Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 | Quy hoạch | Sở Xây dựng | Các Sở, ban ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố | 22/5/2013 | 730/QĐ-UBND |
| 16 | Đề án phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2014-2020 | Đề án | Sở Văn hóa Thể thao và Du Lịch | UBND huyện, thành phố | 20/01/2014 | 81/QĐ-UBND |

II. Kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ mới

| TT | Tên kế hoạch, chương trình, đề án, dự án | Kết quả | Cơ quan Chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-------------|---|-----------|--|---|---------------------|
| II.1 | Về ứng phó với biến đổi khí hậu | | | | |
| 1 | Kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu | Kế hoạch | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | 2015-2017 |
| 2 | Lồng ghép các vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh | Nhiệm vụ | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | 2015-2020 |
| 3 | Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2030 | Kế hoạch | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | 2015 |
| 4 | Xây dựng bản đồ nguy cơ ngập lụt, nâng cao năng lực kiểm soát lũ và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh | Đề án | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện, thành phố | 2016-2017 |
| 5 | Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thủy lợi tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; quy hoạch đề điều chỉnh Bắc Giang đến năm 2020 | Quy hoạch | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND huyện, thành phố | 2014 |

| II.2 Về quản lý tài nguyên thiên nhiên | | | | | |
|---|---|------------|-----------------------------|---|-----------|
| 1 | Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang | Dự án | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | 2014-2015 |
| 2 | Khoanh định khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn | Dự án | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | 2014 |
| 3 | Điều tra, đánh giá và công bố vùng bảo vệ nguồn nước mặt, vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất tỉnh Bắc Giang | Dự án | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | 2014-2015 |
| 4 | Rà soát, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | Quyết định | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | 2014-2015 |
| 5 | Sửa đổi Quy định quản lý tài nguyên nước tỉnh Bắc Giang | Quyết định | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | 2015 |
| II.3 Về bảo vệ môi trường | | | | | |
| 1 | Ứng dụng khoa học công nghệ lò đốt rác thải sinh hoạt quy mô cấp xã trên địa bàn tỉnh | Đề án | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, XD; UBND các huyện, thành phố | 2014-2020 |
| 2 | Nhân rộng mô hình sử dụng chế phẩm sinh học Fito-biomic xử lý rơm rạ làm phân hữu cơ | Dự án | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở: TN&MT, NN&PTNT; UBND các huyện, thành phố | 2014-2020 |
| 3 | Điều tra nguồn nước thải công nghiệp phục vụ công tác quản lý và thu phí bảo vệ môi trường | Kế hoạch | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | 2014 |
| 4 | Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh giai đoạn 2010- 2015 | Báo cáo | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND huyện, thành phố | 2015 |
| 5 | Quy định phân công quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang | Quyết định | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | 2015 |
| 6 | Tăng cường năng lực quản lý môi trường cấp cơ sở | Đề án | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | 2015-2020 |
| 7 | Quy hoạch khu xử lý chất thải công nghiệp và làng nghề | Quy hoạch | Sở Công thương | Sở TN&MT, Ban quản lý các KCN tỉnh; UBND các huyện, thành phố | 2014-2015 |

| | | | | | |
|----|---|--------------|---------------------------------|---|-----------|
| 8 | Nâng cấp hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt thành phố Bắc Giang | Dự án | UBND thành phố Bắc Giang | Các Sở: XD, TN&MT, KH&ĐT, Tài chính | 2016-2020 |
| 9 | Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các KCN, cụm công nghiệp | Dự án | Ban QL KCN tỉnh; UBND huyện, TP | Các Sở: CT, KH&ĐT, TN&MT, XD | 2014-2020 |
| 10 | Đề án quản lý thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 | Đề án | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Xây dựng, KH&CN; UBND các huyện, thành phố | 2014-2020 |
| 11 | Chương trình bảo vệ môi trường cho các khu du lịch của tỉnh | Chương trình | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các Sở: NN&PTNT, TN&MT, XD; UBND các huyện, thành phố | 2015 |
| 12 | Quy định bảo vệ môi trường đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh | Quyết định | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | 2015 |
| 13 | Điều tra, phân tích, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường ở các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh | Dự án | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở NN&PTNT; UBND các huyện, thành phố | 2014 |
| 14 | Kế hoạch thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến 2030 (theo Quyết định số 577/QĐ-TTg) | Kế hoạch | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, thành phố | 2014-2020 |
| 15 | Điều tra, đánh giá hiện trạng; lập quy hoạch đa dạng sinh học tỉnh Bắc Giang | Dự án | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở NN&PTNT; UBND các huyện, thành phố | 2014-2015 |